TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hồng Hải

2. Bà Lê Thị Tuyết Vân

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 318/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2022/QĐ-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Thùy L**, sinh năm 1983; Nơi ĐKHKTT: Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Anh T**, sinh năm 1983. Trú tại: Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án, bản tự khai, biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại, biên bản ghi nhận ý kiến đương sự, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn – bà Lương Thị Thùy L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Anh T kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu thì hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, việc sinh hoạt vợ chồng cũng lạnh nhạt dần. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình và níu kéo nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm không còn, tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Trần Anh T.

- Về con chung: Bà L xác định có 01 con chung là Trần Linh C, sinh ngày 30/11/2011. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có

*** Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại, biên bản ghi nhận ý kiến đương sự ông Trần Anh T trình bày**: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian và điều kiện kết hôn. Tôi và bà L có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng mọi mâu thuẫn vẫn còn cố gắng khắc phục được vì con và một số vấn đề khác. Trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại 02 lần phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày bổ sung.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn ông Trần Anh T vắng mặt tại Tòa án không có lý do chính đáng trong 02 lần hòa giải cũng như 02 lần xét xử, do đó bị đơn ông Trần Anh T chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định vợ chồng bà Lương Thị Thùy L và ông Trần Anh T có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Linh C, sinh ngày 30/11/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lương Thị Thùy L và ông Trần Anh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân dự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Anh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Thùy L và ông Trần Anh T kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà L thì sau khi kết hôn, thời gian đầu thì hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, việc sinh hoạt vợ chồng cũng lạnh nhạt dần. Mặc dù bà L đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình và níu kéo nhưng không có kết quả. Nay bà L xác định tình cảm không còn, tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Trần Anh T.

Xét yêu cầu bà L thì thấy: Mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có mặt 01 lần tại Trung tâm hòa giải đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê và có trình bày không đồng ý ly hôn vì cho rằng mọi mâu thuẫn vẫn còn cố gắng khắc phục được vì con và một số vấn đề khác. Tuy nhiên tại 02 lần phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày bổ sung. Điều này có thể hiện ông T không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: "*...Sau khi mâu thuẫn vợ chồng, bà Lương Thị Thùy L dẫn con về nhà bà (là cha mẹ) tại Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1 sinh sống cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng bà L ông T như thế nào ông không nắm rõ...*". Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn của bà L và ông T đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, cho bà Lương Thị Thùy L được ly hôn ông Trần Anh T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L xác định có 01 con chung là Trần Linh C, sinh ngày 30/11/2011. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Con chung là cháu Trần Linh C, sinh ngày 30/11/2011 hiện đang sống chung với bà L, có nguyện vọng được sống chung với bà L, đồng thời ông T có

trình bày trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn là nghĩa vụ chung, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một phần cho bên nuôi con, tuy nhiên mức cấp dưỡng phải phù hợp đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho con và người cấp dưỡng. Ông T có trình bày trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng. Do đó Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2022, vào ngày 15 hàng tháng là phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Lương Thị Thùy L phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số 0002297 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Trần Anh T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Lương Thị Thùy L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Trần Anh T.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị Thùy L được ly hôn với ông Trần Anh T.

2.Về con chung: Giao con chung cháu Trần Linh C, sinh ngày 30/11/2011 cho bà Lương Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Anh T cấp dưỡng nuôi con

7.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2022, vào ngày 15 hàng tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp theo quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận thì về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Lương Thị Thùy L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0002297 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Trần Anh T phải chịu.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng (GCNKH số 97 ngày 09/9/2009)
- Lưu Hồ sơ.

Đặng Ngọc Hưng